TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 12-4-2022
V/V "tranh chấp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Bé.
Ông Đinh Ngọc Dình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 142/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L. Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Bà Phan Thị N.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Văn T.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị L là nguyên đơn trình bày: Bà N tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi như sau:

Dây hụi 1: Ngày 06/01/2019 (AL), hụi một tháng khui một lần, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 hụi viên (hụi nằm lề 800.000 đồng, hụi chết đóng là 1.000.000 đồng), bà N tham gia một phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 06/01/2019, bà N đã đóng được 01 kỳ hụi sống, bà N hốt hụi kỳ thứ 02 với số tiền là 17.750.000 đồng, bà N không đóng hụi chết từ ngày 15/8/2020 đến ngày 15/01/2021 là 06 tháng, bà N còn nợ bà số tiền là 6.000.000 đồng (hụi mãn vào ngày 15/01/2021).

Dây hụi 2: Ngày 10/10/2019 (AL), hụi một tháng khui một lần, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 26 hụi viên, (hụi nằm lề 800.000 đồng, hụi chết đóng lại 1.000.000 đồng), bà N tham gia một phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 10/10/2019, bà N hốt hụi kỳ thứ 01 với số tiền là 22.000.000 đồng, bà N không đóng hụi chết từ ngày 10/8/2020 đến ngày 10/11/2021 AL là 16 tháng hụi chết, bà N còn nợ bà số tiền là 16.000.000 đồng.

Vào năm 2020, bà đã khởi kiện bà N, ông T tính đến tháng 9 năm 2020, phần hụi còn lại chưa mãn hụi nên bà chưa yêu cầu khởi kiện. Nay bà yêu cầu bà N, ông T phải liên đới trả cho bà tổng cộng số tiền hụi của 02 dây hụi là 22.000.000 đồng, không tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phan Thị N, ông Trương Văn T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị L khởi kiện bà Phan Thị N về việc "tranh chấp hụi" được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà N, ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu bà N, ông T phải liên đới trả cho bà L tổng cộng là 22.000.000 đồng tiền vốn hụi của 02 dây hụi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với bà N, ông T. Bà L yêu cầu bà N, ông T phải liên đới trả vốn hụi là 22.000.000 đồng, không tính lãi. Vào năm 2020, bà đã khởi kiện bà N, ông T số tiền vốn hụi tính đến tháng 9 năm 2020. Đối với số tiền hụi còn lại của 02 dây hụi tổng cộng là 22.000.000 đồng chưa mãn hụi nên bà L không làm đơn khởi kiện bà N, ông T. Nay 02 dây hụi trên đã mãn hụi nhưng bà N, ông T không thực hiện việc trả hụi chết cho bà L theo thỏa thuận nên bà L khởi kiện phần hụi của 02 dây hụi còn lại là 22.000.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà N, ông T phải liên đới trả cho bà Loan 22.000.000 đồng tiền vốn hụi theo quy định tại các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà N, ông T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ bà N, ông T cũng mặc nhiên thừa nhận việc khởi kiện của bà L đối với bà N, ông T.

[3] Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc "tranh chấp hụi" đối với bà Phan Thị N, ông Trương Văn T.

Buộc bà N, ông T phải liên đới trả cho bà L số tiền vốn hụi là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007628 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà N, ông T phải liên đới chịu 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu (hồ sơ, án văn)

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí